

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 308 /2017/TT-BQP

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2017

THÔNG TƯ

Quy định tuyển chọn, tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ; đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2018 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định tuyển chọn, tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ; đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nguyên tắc, đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ tuyển chọn, tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ; đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị; chế độ chính sách đối với đối tượng được tuyển chọn, tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ và đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài Quân đội có liên quan đến việc tuyển chọn, tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ; đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tuyển chọn vào đội ngũ cán bộ quân đội: Là cấp có thẩm quyền quyết định quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng diện cơ quan Quân lực quản lý có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6 Thông tư này được chuyển diện cơ quan cán bộ quản lý đảm nhiệm chức vụ cán bộ.

2. Tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ quân đội (gọi chung là tuyển dụng): Là cấp có thẩm quyền quyết định người ngoài quân đội có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6 Thông tư này vào làm việc trong quân đội, đảm nhiệm chức vụ cán bộ.

3. Tạm tuyển vào đội ngũ cán bộ quân đội (gọi chung là tạm tuyển): Là cấp có thẩm quyền quyết định người ngoài quân đội vào tập sự một chức vụ cán bộ trong một thời gian nhất định, trước khi xem xét quyết định tuyển dụng.

4. Đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ: Là quyết định những người tốt nghiệp đại học, sau đại học, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6 Thông tư này để đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ có thời hạn theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2008, năm 2014 (sau đây viết gọn là: Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam).

5. Đội ngũ cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam: Bao gồm sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng được cấp có thẩm quyền quyết định đảm nhiệm chức danh biên chế là sĩ quan.

6. Người lao động: Là người đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức không thuộc biên chế Nhà nước, theo hình thức hợp đồng lao động.

7. Chỉ tiêu tuyển chọn, tuyển dụng, đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam: Là số lượng được Bộ Quốc phòng giao cho các cơ quan, đơn vị hằng năm.

Điều 4. Đối tượng tuyển chọn, tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ; đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

1. Đối tượng tuyển chọn vào đội ngũ cán bộ quân đội bao gồm: Quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng trong biên chế quân đội do cơ quan Quân lực quản lý có đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xem xét tuyển chọn vào đội ngũ cán bộ quân đội.

2. Đối tượng tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ quân đội bao gồm: Cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế nhà nước và người lao động đang làm việc ở

các cơ quan, tổ chức không thuộc biên chế nhà nước; sinh viên tốt nghiệp đại học, sau đại học (gọi chung là người ngoài quân đội).

3. Đối tượng đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ bao gồm: Những người tốt nghiệp đại học, sau đại học, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 5. Nguyên tắc thực hiện

- a) Dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.
- b) Đúng đối tượng, đáp ứng yêu cầu tổ chức biên chế theo biểu tổ chức biên chế do Tổng Tham mưu trưởng ban hành.
- c) Bảo đảm đúng điều kiện, tiêu chuẩn.
- d) Đúng thẩm quyền theo phân công, phân cấp, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG TUYỂN CHỌN, TUYỂN DỤNG VÀO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ; ĐÀO TẠO SĨ QUAN DỰ BỊ GỌI VÀO PHỤC VỤ TẠI NGŨ

Mục 1

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Điều 6. Điều kiện, tiêu chuẩn

1. Điều kiện

Quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng; cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế nhà nước và người lao động đang làm việc ở các cơ quan, tổ chức không thuộc biên chế nhà nước; những người tốt nghiệp đại học, sau đại học có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, sức khỏe và tuổi đời; có nguyện vọng và khả năng hoạt động trong lĩnh vực quân sự thì được xem xét tuyển chọn, tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ; đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ trong quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Tiêu chuẩn chính trị:

a) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân; có phẩm chất đạo đức tốt; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc có đủ tiêu chuẩn chính trị để bồi dưỡng phát triển thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Đủ tiêu chuẩn chính trị theo Quy định số 57- QĐ/TW ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Ban chấp hành Trung ương Đảng “Quy định một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng” và theo Thông tư số 263/2013/TT-BQP ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Quốc phòng “Quy định về cơ quan, đơn vị và vị trí trọng yếu, cơ mật trong Quân đội”.

3. Tuổi đời:

a) Quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng diện cơ quan Quân lực quản lý, có độ tuổi phù hợp với từng cấp bậc, chức vụ theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Sinh viên tốt nghiệp đại học, không quá 30 tuổi; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người có học vị thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa 1, không quá 35 tuổi; người có học vị tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa 2 không quá 40 tuổi.

c) Đối tượng đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ: Những người tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa 1 không quá 30 tuổi; tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa 2 không quá 35 tuổi.

4. Trình độ học vấn, thời gian công tác:

a) Tuyển chọn từ đối tượng là quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng.

- Đối với các đơn vị thuộc khối dự toán: Tốt nghiệp đại học hệ chính quy, công lập, tập trung dài hạn, loại khá trở lên; với các đơn vị đóng quân ở địa bàn vùng sâu, vùng cao, biên giới, hải đảo khó thu hút cán bộ và một số chuyên ngành Quân đội chưa đào tạo được, phải tốt nghiệp đại học hệ chính quy, công lập, loại trung bình khá trở lên (sau khi được tuyển chọn phải bố trí công tác ổn định tại địa bàn, từ đủ 5 năm trở lên mới được xem xét luân chuyển sang địa bàn khác).

- Đối với các đơn vị thuộc khối hạch toán: Tuyển chọn chức danh trợ lý, trưởng phòng, phó trưởng phòng (ban) cơ quan, giám đốc, phó giám đốc, quản đốc, phó quản đốc các doanh nghiệp, đội trưởng của các binh đoàn, phải tốt nghiệp đại học hệ chính quy, công lập, tập trung dài hạn, loại từ trung bình khá trở lên. Đối với chức danh đội trưởng của các binh đoàn, phải có thời gian đảm nhiệm chức danh đội phó hoặc phụ trách đội trưởng từ 01 năm trở lên; hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Phải có thời gian công tác trong quân đội ít nhất từ 2 năm trở lên.

b) Tuyển dụng, đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ từ đối tượng là người ngoài quân đội.

Tốt nghiệp đại học hệ chính quy, công lập, tập trung dài hạn, loại khá trở lên. Riêng ở nơi có khả năng thu hút cao như: Trung tâm, viện nghiên cứu, học viện, nhà trường, bệnh viện hạng đặc biệt, bệnh viện loại 1 phải có điểm trung bình chung học đại học đạt 7,5 điểm và tương đương trở lên; trường hợp chuyên ngành hẹp, khó thu hút nhưng rất cần cho Quân đội thì ít nhất phải có điểm trung bình chung học đại học đạt 7,0 điểm và tương đương. Trường hợp tình nguyện đến công tác ở các đơn vị đóng quân trên địa bàn vùng sâu, vùng cao, biên giới, hải đảo (nơi có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên) có thể vận dụng tốt nghiệp loại trung bình khá (phải bố trí công tác ổn định tại địa bàn, từ đủ 5 năm trở lên mới được xem xét luân chuyển sang địa bàn khác).

c) Ngoài quy định nêu tại Điểm a, b, Khoản 4 Điều này, trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Tiêu chuẩn sức khỏe

a) Đối tượng là người ngoài Quân đội:

- Đạt tiêu chuẩn sức khỏe loại 1 và loại 2 theo quy định tuyển chọn sức khỏe tuyển quân và tuyển sinh quân sự (tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30/6/2016 của liên Bộ Y tế-Bộ Quốc phòng quy định việc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự);

- Riêng đối với các chức danh cán bộ chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành hẹp, khó thu hút nhưng rất cần cho Quân đội, được lấy các trường hợp về mắt mắc tật khúc xạ cận thị dưới -3D và viễn thị dưới +1,5D.

b) Đối tượng là Quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng:

Đạt tiêu chuẩn sức khỏe loại 1 và loại 2 theo quy định phân loại quản lý sức khỏe quân nhân (Hướng dẫn số 1631/LC-QY-CB ngày 10/11/2004 của liên Cục Quân y- Cán bộ hướng dẫn quản lý và khám sức khỏe đối với cán bộ).

c) Các cơ quan, đơn vị có nhu cầu tuyển chọn, tuyển dụng chịu trách nhiệm sơ tuyển, phúc tra sức khỏe theo quy định.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ; đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ.

1. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Đơn xin được tuyển chọn, tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ; đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ, cam kết chịu sự phân công công tác của tổ chức.

b) Bản sơ yếu lí lịch (tự thuật) theo mẫu quy định, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó đang công tác, học tập (với tuyển dụng, đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ từ đối tượng là người ngoài quân đội) trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

c) Bản thẩm tra xác minh lý lịch (theo mẫu quy định của Bộ Quốc phòng); phiếu thẩm định tiêu chuẩn chính trị.

d) Bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm học đại học, sau đại học. Trường hợp văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng, dịch thuật sang tiếng Việt và phải có văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng giáo dục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

đ) Giấy khám sức khỏe (loại 4 trang) do bệnh viện quân đội hoặc bệnh viện cấp huyện trở lên cấp, có giá trị trong thời hạn 6 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

e) Bản sao giấy khai sinh hoặc sổ định danh cá nhân.

g) 04 ảnh chân dung cỡ 4cm x 6cm, mới chụp trong thời hạn 6 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

h) Trường hợp một số đối tượng thuộc diện ưu tiên trong tuyển dụng được quy định tại Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, phải có giấy chứng nhận của cấp có thẩm quyền.

2. Đối với các đối tượng sau, ngoài các tài liệu theo quy định tại Khoản 1, Điều này, trong Hồ sơ phải có thêm các tài liệu:

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế nhà nước: Bản sao công chứng hồ sơ gốc, các quyết định tuyển dụng, xếp lương, nâng lương, sổ bảo hiểm xã hội theo quy định; giấy giới thiệu của cấp có thẩm quyền liên hệ chuyển công tác; bản nhận xét của cơ quan đang công tác về phẩm chất, năng lực, kết quả hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại công chức, viên chức hàng năm.

b) Quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng: Hồ sơ gốc đủ các yếu tố hợp lệ, phiếu cán bộ (M872b).

c) Người lao động: Văn bản hợp đồng lao động, quyết định xếp lương, nâng lương hợp lệ, quyết định điều động, bổ nhiệm; bản sao (có công chứng) sổ bảo hiểm xã hội theo quy định; bản nhận xét của cơ quan, đơn vị sử dụng lao động về phẩm chất, năng lực, kết quả hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại, bình xét hàng năm.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG TUYỂN CHỌN, TUYỂN DỤNG VÀO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ; ĐÀO TẠO SĨ QUAN DỰ BỊ GỌI VÀO PHỤC VỤ TẠI NGŨ

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, đơn vị

1. Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục, các quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

a) Hàng năm, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp tiến hành rà soát nhu cầu biên chế, hiện có của đội ngũ cán bộ; đề xuất nhu cầu chỉ tiêu về số lượng, chức danh, ngành nghề cần tuyển chọn, tuyển dụng, đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ; báo cáo cơ quan chính trị và cấp ủy cùng cấp xem xét, đề nghị lên đến cấp ủy trực thuộc Quân ủy Trung ương, báo cáo Tổng cục Chính trị (qua cục Cán bộ), trình Bộ Quốc phòng quyết định.

b) Khi được phân bổ chỉ tiêu tuyển chọn, tuyển dụng, đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ, phải công bố rộng rãi, công khai để người tham gia dự tuyển biết những thông tin cần thiết về số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ... (lựa chọn những nội dung cần thiết, không để ảnh hưởng đến bí mật của quân đội, đơn vị).

c) Chỉ đạo cơ quan cán bộ, trợ lý cán bộ (nơi không biên chế cơ quan cán bộ) giúp Thủ trưởng cơ quan chính trị tiếp nhận hồ sơ dự tuyển, tổ chức sơ tuyển trên hồ sơ, tổ chức thẩm tra xác minh lý lịch đối với những người đã qua vòng sơ tuyển theo mẫu bản Thẩm tra xác minh lý lịch của Bộ Quốc phòng.

d) Căn cứ vào chỉ tiêu được giao, thủ trưởng cơ quan chính trị tổ chức thẩm định; báo cáo cấp ủy (thường vụ) xem xét, quyết nghị những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn, tuyển dụng, đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ theo quy định, đề nghị lên đến cấp ủy trực thuộc Quân ủy Trung ương xem xét báo cáo Tổng cục Chính trị (qua Cục Cán bộ).

đ) Khi có quyết định tuyển dụng, phong quân hàm sĩ quan, sĩ quan dự bị, gọi sĩ quan dự bị vào phục vụ tại ngũ của Bộ Quốc phòng và thông báo kết quả xét duyệt tuyển chọn, tạm tuyển của Tổng cục Chính trị; cấp ủy cơ quan, đơn vị trực thuộc Quân ủy Trung ương chỉ đạo tổ chức trao quyết định của Bộ Quốc phòng và ra quyết định nhân sự tạm tuyển và bổ nhiệm chức vụ theo thẩm quyền.

e) Xây dựng kế hoạch và đề nghị bồi dưỡng kiến thức quân sự cho các đối tượng được tuyển chọn, tuyển dụng, tạm tuyển chưa qua chương trình bồi dưỡng kiến thức quân sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Rà soát các đối tượng hoàn thành tạm tuyển, sĩ quan dự bị hết thời hạn phục vụ tại ngũ theo luật định, đề nghị Bộ Quốc phòng quyết định tuyển dụng, chuyển sĩ quan dự bị sang ngạch tại ngũ theo quy trình.

2. Đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng còn lại

a) Hằng năm, cơ quan cán bộ, trợ lý cán bộ (nơi không biên chế cơ quan cán bộ) tiến hành rà soát nhu cầu biên chế, hiện có của đội ngũ cán bộ; đề xuất nhu cầu chỉ tiêu về số lượng, chức danh, ngành nghề cần, tuyển chọn, tuyển dụng, đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ; báo cáo cơ quan chính trị và cấp ủy cùng cấp xem xét, đề nghị Tổng cục Chính trị (qua Cục Cán bộ), trình Bộ Quốc phòng quyết định.

b) Khi được phân bổ chỉ tiêu, tuyển chọn, tuyển dụng, đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ thực hiện theo Điểm b, Khoản 1 điều này.

c) Trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị thực hiện theo Điểm c, d, đ, e Khoản 1 điều này.

3. Chế độ báo cáo: Nội dung và thời gian báo cáo đề nghị chỉ tiêu, nhân sự tuyển chọn, tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ; đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ, thực hiện theo kế hoạch, tiến trình và hướng dẫn công tác cán bộ hằng năm.

Điều 9. Trách nhiệm, quyền hạn của Tổng cục Chính trị

1. Căn cứ vào kế hoạch giải quyết số lượng cán bộ năm đã được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt, Tổng cục Chính trị chịu trách nhiệm trước Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phân bổ chỉ tiêu, xem xét tuyển chọn, tuyển dụng, đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ trong quân đội theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Quy chế công tác cán bộ. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện tuyển chọn, tuyển dụng, đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ trong quân đội đúng quy định, bảo đảm chất lượng.

2. Xét duyệt, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra quyết định tuyển dụng, gọi những người tốt nghiệp đại học đi đào tạo sĩ quan dự bị vào phục vụ tại ngũ,

phong quân hàm sĩ quan, sĩ quan dự bị, xếp lương công chức quốc phòng, nâng lương, nâng loại, chuyển nhóm, thăng quân hàm QNCN theo thẩm quyền; xét duyệt và thông báo kết quả cho đơn vị ra quyết định nhân sự tạm tuyển và bổ nhiệm chức vụ theo thẩm quyền.

3. Thực hiện công tác kiểm tra về các nội dung liên quan đến, tuyển chọn, tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ, đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương III

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC TUYỂN CHỌN, TUYỂN DỤNG VÀO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ; ĐÀO TẠO SĨ QUAN DỰ BỊ GỌI VÀO PHỤC VỤ TẠI NGŨ

Mục 1

TẠM TUYỂN, MIỄN TẠM TUYỂN, XẾP LƯƠNG VÀ CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ TRONG THỜI GIAN TẠM TUYỂN

Điều 10. Tạm tuyển

1. Thời gian tạm tuyển là 12 tháng tính từ khi có quyết định tạm tuyển.
2. Trong thời gian tạm tuyển, nếu người tạm tuyển có động cơ phấn đấu tốt, hoàn thành được chức trách, nhiệm vụ thì được xem xét cử đi bồi dưỡng kiến thức quân sự.
3. Hết thời gian tạm tuyển, đơn vị cơ sở trực tiếp quản lý người tạm tuyển nhận xét, đánh giá phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn, và kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao, tiến hành làm quy trình theo quy định, đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra quyết định tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ.

Điều 11. Miễn tạm tuyển

Những đối tượng sau đây được miễn tạm tuyển:

1. Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; người lao động đã đảm nhiệm công việc đúng chức danh đề nghị tuyển dụng, đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ 12 tháng trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ.
2. Sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy, công lập, tập trung dài hạn loại giỏi, loại xuất sắc và những người có học vị thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa 1, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa 2.

Điều 12. Xếp lương trong thời gian tạm tuyển

1. Người tạm tuyển được hưởng 85% lương bậc 1 của ngạch công chức, viên chức quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; phụ cấp phục vụ quốc phòng an ninh và các loại phụ cấp khác (nếu có).

2) Những đối tượng sau đây trong thời gian tạm tuyển được hưởng 100% bậc lương đã nêu ở khoản 1 Điều này:

a) Làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo (nơi có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên).

b) Làm việc trong các ngành nghề độc hại, nguy hiểm.

c) Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; hoàn thành nhiệm vụ đội viên trí thức trẻ tình nguyện phục vụ tại các đoàn kinh tế quốc phòng từ đủ 24 tháng trở lên.

Điều 13. Chế độ BHXH, BHYT trong thời gian tạm tuyển

1. Trong thời gian tạm tuyển, người được tạm tuyển phải đóng BHXH, BHYT theo quy định của pháp luật về BHXH, BHYT và được hưởng các chế độ BHXH, BHYT theo quy định.

2. Tiền lương để đóng BHXH, BHYT là 100% tiền lương được ghi trong quyết định tạm tuyển.

Mục 2

XẾP LƯƠNG, PHONG QUÂN HÀM SĨ QUAN

Điều 14. Xếp lương, phong quân hàm sĩ quan

1. Những người được Bộ Quốc phòng quyết định tuyển dụng, căn cứ vào trình độ đào tạo, kết quả tốt nghiệp, quá trình làm việc, thời gian tham gia BHXH và mức lương hiện hưởng hợp lệ để xếp lương, nếu đã được bồi dưỡng kiến thức quân sự theo quy định được xét phong quân hàm sĩ quan.

2. Nguyên tắc xếp lương, phong quân hàm sĩ quan

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước: Căn cứ vào mức lương hiện hưởng trước khi được tuyển dụng vào quân đội để xếp lương và tính thời gian bảo lưu trong xét nâng bậc lương kế tiếp.

b) Đối với người lao động: Căn cứ vào trình độ đào tạo, quá trình làm việc và bậc lương hiện hưởng hợp lệ trước khi được tuyển dụng vào quân đội để xếp lương phù hợp.

c) Đối với đối tượng hoàn thành thời gian tạm tuyển hoặc được miễn tạm tuyển quy định tại Khoản 2, Điều 11 Thông tư này, được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra quyết định tuyển dụng:

- Những người tốt nghiệp đại học, được xếp lương bậc 1 của ngạch công chức, viên chức quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, nếu đã qua bồi dưỡng kiến thức quân sự theo quy định thì được phong quân hàm cấp thiếu úy;

- Những người tốt nghiệp đại học loại giỏi, loại xuất sắc có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của chức danh đảm nhiệm thì được xếp lương bậc 2 của ngạch công chức, viên chức nêu trên, nếu đã qua bồi dưỡng kiến thức quân sự thì được phong quân hàm cấp trung úy;

- Người có trình độ thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa 1, nhưng phải là tốt nghiệp đại học chính quy, công lập, có kết quả từ loại khá trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của chức danh đảm nhiệm thì được xếp lương bậc 3 của ngạch công chức, viên chức nêu trên, nếu đã qua bồi dưỡng kiến thức quân sự theo quy định thì được phong quân hàm cấp thượng úy;

- Người có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa 2, nhưng phải là tốt nghiệp đại học chính quy, công lập, có kết quả từ loại khá trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của chức danh đảm nhiệm thì được xếp lương bậc 4 của ngạch công chức, viên chức nêu trên, nếu đã qua bồi dưỡng kiến thức quân sự theo quy định thì được phong quân hàm cấp đại úy.

Điều 15. Thời điểm tính tuổi quân

Thời điểm tính tuổi quân của các đối tượng được quy định tại Điều 4 Thông tư này thực hiện theo Thông tư số 18/2012/TT-BQP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Bộ quốc phòng Quy định về tính tuổi quân trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Mục 3

ĐÀO TẠO, PHONG QUÂN HÀM SĨ QUAN DỰ BỊ, SĨ QUAN DỰ BỊ PHỤC VỤ TẠI NGŨ

Điều 16. Chế độ chính sách trong thời gian đào tạo sĩ quan dự bị

1. Chế độ phụ cấp: Được hưởng phụ cấp hàng tháng, bằng phụ cấp quân hàm của cấp bậc thượng sĩ. Nhập học ngày nào trong tháng hoặc kết thúc khóa học ngày nào trong tháng cũng được hưởng phụ cấp quân hàm cả tháng đó.

2. Chế độ ăn: Được hưởng chế độ ăn hàng ngày như đối với học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội, kể từ ngày có mặt làm thủ tục nhập học tại trường cho đến ngày kết thúc khóa học làm xong thủ tục ra trường và không phải trả tiền.

3. Chế độ quân trang

Được mượn quân trang, được mượn hoặc cấp một số đồ dùng sinh hoạt.

4. Chế độ chính sách khi ốm đau, bị thương hoặc tử trần

Trong thời gian đào tạo sĩ quan dự bị, nếu ốm đau, bị thương hoặc tử trần thì được hưởng chế độ, chính sách như quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu theo quy định tại Khoản 6 Điều 23 Nghị định số 39/CP ngày 28 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

5. Chế độ BHXH: Được đóng và hưởng các chế độ BHXH như đối tượng hạ sĩ quan, binh sĩ quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 2 Luật BHXH năm 2014.

6. Chế độ BHYT: Được đóng và hưởng các chế độ BHYT như đối tượng hạ sĩ quan, binh sĩ quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BQP-BYT-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Tài chính.

Điều 17. Phong quân hàm sĩ quan dự bị, sĩ quan dự bị phục vụ tại ngũ

1. Học viên sau khi tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị được phong quân hàm cấp thiếu úy sĩ quan dự bị; nếu tốt nghiệp đại học loại giỏi, loại xuất sắc thì được phong quân hàm cấp trung úy sĩ quan dự bị; người có trình độ thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa 1, nhưng phải là tốt nghiệp đại học chính quy, công lập, có kết quả từ loại khá trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của chức danh đảm nhiệm thì được phong quân hàm cấp thượng úy; người có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa 2, nhưng phải là tốt nghiệp đại học chính quy, công lập, có kết quả từ loại khá trở lên, có chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của chức danh đảm nhiệm thì được phong quân hàm cấp đại úy.

2. Sĩ quan dự bị vào phục vụ tại ngũ, được mang cấp bậc quân hàm hiện tại và được hưởng mọi quyền lợi chế độ, chính sách như sĩ quan tại ngũ có cùng chức vụ, cấp bậc quân hàm.

3. Sĩ quan dự bị sau khi hết thời hạn 2 năm phục vụ tại ngũ, được xem xét chuyển sang ngạch sĩ quan tại ngũ, đồng thời xét thăng quân hàm sĩ quan theo thời hạn quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, nếu chưa đến thời hạn thì được bảo lưu thời gian, tính từ khi có quyết định phong quân hàm sĩ quan dự bị.

Mục 4

HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TUYỂN CHỌN, TUYỂN DỤNG VÀO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ; ĐÀO TẠO SĨ QUAN DỰ BỊ GỌI VÀO PHỤC VỤ TẠI NGŨ

Điều 18. Trường hợp hủy bỏ quyết định

1. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vì lý do sức khoẻ.
2. Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
3. Có đơn tự nguyện xin chấm dứt tuyển chọn, tuyển dụng, đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ.
4. Phát hiện có vi phạm về tiêu chuẩn chính trị và bằng cấp

Điều 19. Quyền hạn, trình tự, thủ tục hủy bỏ quyết định

1. Cấp nào có quyền quyết định tuyển chọn, tuyển dụng vào đội ngũ cán bộ; đào tạo sĩ quan dự bị gọi vào phục vụ tại ngũ thì cấp đó có quyền hủy bỏ quyết định.

2. Với các trường hợp vi phạm một trong những khoản quy định tại Điều 18 Thông tư này; đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng báo cáo Tổng cục Chính trị (qua Cục Cán bộ) để xem xét đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định. Sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền thì đơn vị triển khai thực hiện. Riêng với các trường hợp tạm tuyển, khi có thông báo của Tổng cục Chính trị thì đơn vị ra quyết định hủy tạm tuyển.

3. Người tạm tuyển bị hủy bỏ quyết định tạm tuyển, đơn vị trực tiếp quản lý trong thời gian tạm tuyển trợ cấp 01 tháng lương, phụ cấp hiện hưởng (nếu có) và tiền tàu xe về nơi cư trú.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2018.
2. Thông tư này thay thế Quy định tuyển dụng, bổ nhiệm vào đội ngũ cán bộ QĐNDVN, ban hành kèm theo Quyết định số 200/2007/QĐ-BQP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.
3. Các văn bản được nêu tại Thông tư này, nếu trong quá trình tổ chức thực hiện có sự thay đổi thì sẽ thực hiện theo văn bản mới.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Tham mưu trưởng, chỉ huy các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có hành vi vi phạm các quy định trong Thông tư này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật. /*ph*

Nơi nhận:

- Bộ trưởng BQP;
- Chủ nhiệm TCCT;
- Tổng Tham mưu trưởng;
- Các PCN TCCT, PTTMT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- C41, C56, C12, C13, C85;
- Vụ Pháp chế; BHXH/BQP;
- Cổng Thông tin Điện tử/BQP;
- Lưu: VT, C85, H81.



BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Ngô Xuân Lịch